

Bản án số: 11/2024/DS-ST  
Ngày: 19-4-2024.  
V/v “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vui.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Văn Tèo;
- Ông Nguyễn Văn Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Tươi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 96/2023/TLST- DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên số: 07/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Anh **Lê Mộng H**, sinh năm: 1995.

2. Chị **Lê Thị Hồng S**, sinh năm: 1994.

Cùng địa chỉ: **Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh.**

**- Bị đơn:** Chị **Tạ Đoàn Mỹ D**, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: **Ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh.**

Anh **H**, chị **S** có mặt; Chị **D** vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh **Lê Mộng H** và chị **Lê Thị Hồng S** trình bày:** Anh chị yêu cầu chị **Tạ Đoàn Mỹ D** trả lại số

tiền nợ gốc là 440.000.000 (bốn trăm bốn mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi suất chậm trả. Cụ thể:

Giữa anh chị với chị **D** quen biết với nhau thông qua bạn bè giới thiệu. Chị **S** làm chủ hội nên vào năm 2022 chị **D** có tham gia các dây hội như sau:

1. Dây hội 20.000.000 đồng, mở ngày 19/11/2022, 01 tuần mở 01 lần, gồm 11 phần, chị **D** tham gia 02 phần. Chị **D** lĩnh hội lần đầu tiên 01 phần, chị **D** góp đến lần thứ 3 thì không góp nữa. Chị **D** còn phải góp 08 lần hội chết với số tiền 160.000.000 đồng; tiền hội sống chị góp thay cho chị **D** 02 lần với số tiền 23.200.000 đồng và tiền hội ngày còn nợ lại 4.600.000 đồng. Tổng cộng 187.800.000 đồng.

2. Dây hội 20.000.000 đồng, mở ngày 19/11/2022, 01 tháng mở 01 lần, gồm 12 phần, chị **D** tham gia 01 phần. Chị **D** lĩnh hội lần đầu tiên, sau khi lĩnh hội xong chị **D** không góp. Chị **D** còn phải góp 11 lần với số tiền 220.000.000 đồng.

3. Dây hội 10.000.000 đồng, mở ngày 20/11/2022, 01 tuần mở 01 lần, hội gồm 10 phần, chị **D** tham gia 02 phần. Chị **D** lĩnh hội lần thứ 02 một phần, còn lại 01 phần chưa lĩnh, từ khi lĩnh hội chị **D** không góp nữa. Chị **D** còn phải góp 08 lần với số tiền 80.000.000 đồng, khấu trừ tiền hội sống chị **D** đã góp 01 lần 6.550.000 đồng còn nợ lại 73.450.000 đồng.

Tổng cộng chị **D** còn nợ lại chị **S** số tiền hội còn phải góp là 481.250.000 đồng nhưng hai bên thỏa thuận thống nhất chị **S** đồng ý cho chị **D** trả số tiền 450.000.000 đồng.

Nhưng vì chị **D** chưa trả được nên hai bên đã thống nhất chuyển thành tiền vay và ký kết hợp đồng vay vào ngày 03/01/2023 có công chứng chứng thực, thỏa thuận chị **D** trả góp mỗi tháng 10.000.000 đồng. Do không có tài sản gì để đảm bảo trả nợ, chị **S** có yêu cầu chị **D** thế chấp quyền sử dụng đất phần đất diện tích 961,6 m<sup>2</sup>, thửa đất số 737, tờ bản đồ số 35, tọa lạc: **Áp B, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh** nhưng không làm giấy tờ thế chấp, tuy nhiên sau đó chị **D** đã chuyển nhượng phần đất trên mà không trả tiền cho chị. Chị **S** yêu cầu trả nợ thì chị **D** dự định thế chấp phần đất diện tích 142,3 m<sup>2</sup>, thửa đất số 795, tờ bản đồ số 49, tọa lạc: **Khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh** nhưng lúc đó phần đất đã vay thế chấp tại **Ngân hàng Q**. Chị **D** có kêu chị cho mượn thêm 300.000.000 đồng trả tiền Ngân hàng lấy giấy đất ra thế chấp cho chị, chị **S** đồng ý. Nhưng đến ngày hẹn ra Ngân hàng để chị đưa tiền trả thì chị **D** không đến. Sau đó chị **D** đã trả nợ cho Ngân hàng và đã chuyển nhượng phần đất nêu trên mà không trả nợ cho chị. Kể từ khi ký kết hợp đồng vay chị **D** trả duy nhất cho chị 01 lần vào tháng 01 năm 2023 số tiền 10.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, sau đó không trả nữa. Do đó, vợ chồng chị yêu cầu chị **D** trả lại số tiền nêu trên, không yêu cầu tính lãi chậm trả.

- Bị đơn chị **Tạ Đoàn Mỹ D** trình bày: Mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị **D** vẫn vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến phản đối đối với yêu cầu của chị **S** và anh **H**.

\* *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Riêng chị **D** không thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Lê Mộng H** và chị **Lê Thị Hồng S** về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” đối với chị **Tạ Đoàn Mỹ D**. Buộc chị **Tạ Đoàn Mỹ D** có nghĩa vụ trả cho anh **Lê Mộng H** và chị **Lê Thị Hồng S** số tiền vay là 440.000.000 đồng.

Ghi nhận anh **Lê Mộng H** và chị **Lê Thị Hồng S** không yêu cầu tính lãi chậm trả.

+ Về án phí: Chị **Tạ Đoàn Mỹ D** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị **Tạ Đoàn Mỹ D** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Trong năm 2022 chị **D** có tham gia góp hụi do chị **S** làm chủ, số tiền hụi mà chị **D** còn phải góp cho chị **S** tổng cộng là 450.000.000 đồng. Sau đó hai bên thỏa thuận thống nhất chuyển thành tiền vay, có ký kết hợp đồng vay tài sản vào ngày 03/01/2023 có công chứng chứng thực, thỏa thuận chị **D** trả góp mỗi tháng 10.000.000 đồng vào trước ngày 05 hàng tháng, không thỏa thuận lãi suất. Kể từ khi ký kết hợp đồng vay chị **D** trả cho chị **S** một lần vào tháng 01 năm 2023 với số tiền 10.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, sau đó không trả nữa. Do chị **D** vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên chị **S** và anh **H** khởi kiện yêu cầu chị **D** trả nợ gốc là 440.000.000 (bốn trăm bốn mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính tiền lãi chậm trả.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Nguyên đơn cung cấp Hợp đồng vay tài sản ngày 03-01-2023. Nội dung Hợp đồng thể hiện, tại Điều 1: Chị **D** có vay của chị **S** và anh **H** số tiền 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng, không tính lãi suất và hình thức

trả tiền là trả góp hàng tháng 10.000.000 đồng trước ngày 05 hàng tháng (Điều 2 Hợp đồng), do chị **Tạ Đoàn Mỹ D** ghi “tôi đã đọc và đồng ý” ký tên và lăn tay. Phần cuối của Hợp đồng có Công chứng viên thuộc Văn phòng công chứng **Nguyễn Thị Đ** chứng nhận. Xét thấy, mặc dù đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc thu thập, tiếp cận tài liệu chứng cứ và nội dung những vấn đề cần hòa giải trong các thông báo hòa giải nhưng chị **Tạ Đoàn Mỹ D** không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quan điểm của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình tố tụng, chị **Tạ Đoàn Mỹ D** đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có bất cứ ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của anh **H**, chị **S**. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của anh **H**, chị **S** cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để làm căn cứ xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Từ những tài liệu, chứng cứ và phân tích nêu trên có đủ cơ sở xác định, việc hai bên ký kết Hợp đồng vay tài sản nêu trên là có thật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị **S** và anh **H** là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc chị **D** có nghĩa vụ trả cho chị **S** và anh **H** số tiền nợ gốc là 440.000.000 (bốn trăm bốn mươi triệu) đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[3.2] Ghi nhận chị **S** và anh **H** không yêu cầu tính lãi suất.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **S** và anh **H** nên chị **D** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 463, 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Lê Mộng H** và chị **Lê Thị Hồng S** về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” đối với chị **Tạ Đoàn Mỹ D**.

Buộc chị **Tạ Đoàn Mỹ D** có nghĩa vụ trả cho anh **Lê Mộng H** và chị **Lê Thị Hồng S** số tiền nợ gốc là 440.000.000 (bốn trăm bốn mươi triệu) đồng.

Ghi nhận anh **Lê Mộng H** và chị **Lê Thị Hồng S** không yêu cầu tính tiền lãi chậm trả.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thanh toán xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

## 2. Án phí:

Buộc chị **Tạ Đoàn Mỹ D** phải chịu 21.600.000 (hai mươi một triệu sáu trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh **Lê Mộng H** và chị **Lê Thị Hồng S** được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.000.000 (mười một triệu) đồng theo biên lai thu số 0023190 ngày 13-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV&THA. TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THADS huyện Bến Cầu;
- Các đương sự;
- Lưu bộ phận;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Vui**